Số: 2826/QĐ-UBND; 27/09/2022; 7:54:3 +07:00

**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**HUYỆN NGHI XUÂN**

**Biểu số 88/CK-NSNN**

# ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2022 của UBND huyện Nghi Xuân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | TRONG ĐÓ | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ | CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH | CHI VĂN HÓA THÔNG TIN | CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN | CHI THỂ DỤC THỂ THAO | CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG | CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ | TRONG ĐÓ | | CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ | CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI |
| | | | | | | | | | | | CHI GIAO THÔNG | CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN | | |
| *A* | *B* | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| | **TỔNG SỐ** | **69.390** | **4.332** | **955** | **19.324** | **2.983** | **0** | **0** | **0** | **2.400** | **0** | **0** | **38.020** | **1.376** |
| 1 | Sự nghiệp Kinh tế huyện | 2.400 | | | | | | | | 2.400 | | | | |
| 2 | Trung tâm Ứng dụng KHKT&BV CTVC huyện | 955 | | 955 | | | | | | | | | | |
| 3 | Trung tâm Chính trị huyện | 1.348 | 1.348 | | | | | | | | | | | |
| 4 | Trung tâm Văn hóa - Truyền thông | 2.983 | | | | 2.983 | | | | | | | | |
| 5 | Trung tâm Y tế huyện | 19.324 | | | 19.324 | | | | | | | | | |
| 6 | Hội quần chúng | 1.376 | | | | | | | | | | | | 1.376 |
| 7 | Hội đồng nhân dân huyện | 2.413 | | | | | | | | | | | 2.413 | |
| 8 | Cơ quan UBND huyện | 17.144 | | | | | | | | | | | 17.144 | |
| 9 | Văn phòng Huyện ủy | 13.385 | | | | | | | | | | | 13.385 | |
| 10 | Khối Đoàn thể huyện | 5.078 | | | | | | | | | | | 5.078 | |
| 11 | Trung tâm GDNN - Giáo dục thường xuyên | 2.984 | 2.984 | | | | | | | | | | | |